

Bản án số: **140/2020/KDTM-PT**
Ngày 14/8/2020
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
xây dựng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Thẩm phán: Bà Ngô Tuyết Băng

Ông Nguyễn Xuân Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Trần Chí Thành - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 14/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 149/2020/TLPT-KDTM ngày 22/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc “*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 19/02/2020 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 342/2020/QĐ-PT ngày 09/7/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 385/2020/QĐ-PT ngày 22/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH Đ

Địa chỉ: Tổ dân phố M, phường T, quận N, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông P.V.C-Chủ tịch kiêm Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà H.T.N-Phó giám đốc; có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH Đ: Ông T.V.T, Luật sư của Văn phòng Luật sư K, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt

- Bị đơn: Công ty cổ phần P

Địa chỉ: Tầng X, số Y đường T, phường D, quận C, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông L.Đ.T-Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông N.V.Q-Phó Tổng giám đốc; có mặt

- Người làm chứng:

1. Ông P.P.N, sinh năm 197X; Địa chỉ: L, tổ A, phường T, quận H, thành phố Hà Nội; vắng mặt

2. Ông Đ.D.K, sinh năm 198X; Địa chỉ: B phường C, thành phố C, tỉnh Q; vắng mặt

3. Ông N.V.Đ, sinh năm 198X; Địa chỉ: Xóm T, xã H, huyện H, tỉnh N; vắng mặt

4. Ban quản lý dự án X Ủy ban nhân dân tỉnh S; Địa chỉ: số C N, phường D, thành phố S, tỉnh S; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 24/7/2015, bên giao thầu là Công ty cổ phần P – Chi nhánh TDC Z và bên nhận thầu là Công ty TNHH Đ đã ký kết Hợp đồng kinh tế số 2407/2015/HĐKT về việc “Cung cấp lắp đặt cửa nhựa lõi thép - Công trình: Bệnh viện đa khoa tỉnh S”.

Ngày 02/03/2016, bên giao thầu là Công ty cổ phần P – Chi nhánh TDC Z và bên nhận thầu là Công ty TNHH Đ đã ký kết Phụ lục Hợp đồng số 0203/2016/PLHĐ/TC16-ĐT về việc “ bổ sung thêm thanh gia cố cho cửa vách tại Bệnh viện đa khoa tỉnh S”.

Hợp đồng kinh tế số 2407/2015/HĐKT và Phụ lục Hợp đồng số 0203/2016/PLHĐ/TC16-ĐT do ông P.P.N - Giám đốc Chi nhánh TDC Z làm đại diện (theo Giấy ủy quyền số 861A/PTXD-KH ngày 18/11/2010 của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần P) và ông P.V.C, đại diện theo pháp luật, Chủ tịch kiêm giám đốc Công ty TNHH Đ ký kết.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH Đ luôn đáp ứng đúng tiến độ, thi công lắp đặt đúng thiết kế, hoàn thành các công việc theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng đã ký kết.

Ngày 25/8/2016, Công ty TNHH Đ đã thi công hoàn thiện và đã được Ban chỉ huy công trường gồm: ông Đ.D.K và ông N.V.Đ - cán bộ hiện trường, ký Biên

bản nghiệm thu xác nhận khối lượng. Sau đó sản phẩm của Công ty TNHH Đ đã được Bệnh viện đa khoa tỉnh S đưa vào sử dụng.

Ngày 29/08/2016, trên cơ sở đơn giá trong hợp đồng, phụ lục hợp đồng nhân với khối lượng công việc được Ban chỉ huy công trường xác nhận ngày 25/8/2016, Công ty TNHH Đ đã lập Bảng xác định khối lượng, giá trị đề nghị Công ty cổ phần P ký xác nhận và thanh toán (kèm theo là: Biên bản đối chiếu công nợ, biên bản thanh lý hợp đồng).

Theo đơn giá thỏa thuận tại Hợp đồng, phụ lục hợp đồng và khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu thì cho đến thời điểm khởi kiện, Công ty cổ phần P đang còn nợ Công ty TNHH Đ bằng 66.6% giá trị thi công lắp đặt tại công trình, tương ứng với số tiền: 3.593.914.129 đồng (ba tỷ năm trăm chín mươi ba triệu chín trăm mười bốn nghìn một trăm hai mươi chín đồng).

Công ty TNHH Đ đã nhiều lần gửi công văn, trực tiếp đến Công ty cổ phần P yêu cầu: Đối chiếu, ký xác nhận khối lượng giá trị, ký biên bản đối chiếu công nợ, đề nghị thanh toán công nợ, nhưng lãnh đạo Công ty cổ phần P đùn đẩy trách nhiệm không ký vào các biên bản xác nhận khối lượng giá trị công việc....và mới chỉ thanh toán cho Công ty TNHH Đ với tổng số tiền các lần là 1.802.372.594đồng.

Theo nội dung Công văn số 518/BQLDA1-TDA ngày 20/7/2018 của Ban Quản lý Dự án X thuộc UBND Tỉnh S gửi Công ty TNHH Đ và Công ty cổ phần P: *“Đến ngày 24/01/2017 phần cửa sổ khung nhựa lõi thép, vách ngăn kính khung nhựa lõi thép cố định u PVC (profile), Ban QLDA đã thanh toán cho nhà thầu 100% khối lượng thực hiện. Giá trị hợp đồng còn lại 6,07% Ban QLDA chưa thanh toán cho nhà thầu để giữ bảo hành chờ quyết toán”*.

Như vậy, Chủ đầu tư là Ủy ban nhân dân tỉnh S đã chuyển tiền, thanh toán cho Công ty cổ phần P 93,93% giá trị khối lượng công việc phần cửa đi, cửa sổ khung nhựa lõi thép, vách ngăn kính khung nhựa lõi thép cố định u PVC (profile), trong đó có khối lượng do Công ty TNHH Đ đã thực hiện và bàn giao đưa vào sử dụng.

Hiện số tiền mà Công ty cổ phần P còn nợ Công ty TNHH Đ là 3.593.914.129 đồng, chiếm 75 % vốn điều lệ của Công ty TNHH Đ, làm cho Công ty TNHH Đ lâm vào cảnh thiếu vốn hoạt động sản xuất kinh doanh, nợ lương của người lao động.

Căn cứ Điều 8 của Hợp đồng số 2407/2015/HĐKT ký ngày 24/07/2015 thì trường hợp “Nếu Bên A (Công ty cổ phần P) thanh toán chậm so với Điều khoản thanh toán ghi trong hợp đồng thì bên B (Công ty TNHH Đ) được tính lãi trên số tiền Bên A nợ theo lãi suất ngân hàng Nhà nước (tại thời điểm vi phạm) kể từ

ngày ký nghiệm thu công trình. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày bên B thực hiện xong công việc lắp đặt mà bên A vẫn chưa thanh toán hết số tiền còn lại của Hợp đồng cho bên B, thì được hiểu rằng số lượng hàng hóa mà bên B đã cung cấp, lắp đặt vẫn thuộc quyền sở hữu của bên B và bên B có quyền tháo dỡ thu hồi lại toàn bộ số hàng đã lắp đặt...”.

* Bởi lý do trên, Công ty TNHH Đ khởi kiện Công ty cổ phần P ra Tòa án nhân dân quận C, yêu cầu Tòa án buộc:

- Công ty cổ phần P phải thanh toán cho Công ty TNHH Đ theo Hợp đồng kinh tế số 2407/2015/HĐKT ngày 24/7/2015 và Phụ lục Hợp đồng số 0203/2016/PLHĐ/TC16-ĐT ngày 02/03/2016 với số tiền là 3.593.914.129 đồng (ba tỷ năm trăm chín mươi ba triệu chín trăm mười bốn nghìn một trăm hai mươi chín đồng).

- Buộc Công ty cổ phần P phải trả tiền lãi chậm trả trên số tiền nợ theo lãi suất ngân hàng Nhà nước công bố tính từ ngày ký nghiệm thu công trình.

Ngoài các ý kiến, yêu cầu trên Công ty TNHH Đ không còn ý kiến, yêu cầu nào khác.

Bị đơn và người đại diện của bị đơn trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Đ, Công ty cổ phần P có ý kiến như sau:

1. Việc ông P.P.N ký Hợp đồng kinh tế số 2407/2015/HĐKT ngày 24/7/2015 về việc “*Cung cấp lắp đặt cửa nhựa lõi thép - Công trình: Bệnh viện đa khoa tỉnh S*” là vượt quá phạm vi ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 861A/PTXD-KH ngày 18/11/2010 của Công ty cổ phần P.

2. Phụ lục Hợp đồng số 0203/2016/PLHĐ/TC16-ĐT ngày 02/3/2016 về việc “*bổ sung thêm thanh gia cố cho cửa vách tại Bệnh viện đa khoa tỉnh S*” do ông P.P.N và Công ty TNHH Đ do ông P.V.C, đại diện theo pháp luật, Chủ tịch kiêm giám đốc Công ty ký kết là không đúng thẩm quyền vì không phù hợp với Hợp đồng số 004/010 PTXD ngày 02/4/2010 về việc thi công xây dựng hạng mục 4.5 thuộc dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh S giữa Tổng Công ty xây dựng H và Công ty cổ phần P.

3. Công ty cổ phần P không đồng ý với các biên bản nghiệm thu và bàn giao sản phẩm, biên bản đối chiếu công nợ, bảng xác nhận đề nghị thanh toán và biên bản thanh lý hợp đồng mà Công ty TNHH Đ đã cung cấp cho Tòa án làm căn cứ khởi kiện vì từ trước đến nay tất cả hợp đồng đã ký kết và hoàn thành giữa Công ty TNHH Đ và Công ty cổ phần P, thì hồ sơ quyết toán (gồm: biên bản nghiệm thu và bàn giao sản phẩm, biên bản đối chiếu công nợ, bảng xác nhận đề

ngiht thanh toán và biên bản thanh lý hợp đồng) đều có chữ ký xác nhận của Công ty cổ phần P (Công ty cổ phần P cung cấp cho Tòa án bộ hồ sơ quyết toán trước đây để làm căn cứ tham khảo).

4. Do sản phẩm của Công ty TNHH Đ đã lắp đặt tại công trình Bệnh viện đa khoa tỉnh S không đảm bảo chất lượng nên Công ty cổ phần P đã phải bỏ ra chi phí cho việc sửa chữa, bảo hành hạng mục trên.

5. Công ty cổ phần P đề nghị Tòa án nhân dân quận C đưa ông P.P.N vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan để làm rõ các vấn đề liên quan đến Hợp đồng kinh tế số 2407/2015/HĐKT ngày 24/7/2015 và Phụ lục Hợp đồng số 0203/2016/PLHĐ/TC16-ĐT ngày 02/03/2016 giữa Công ty cổ phần P và Công ty TNHH Đ. Do hạng mục công trình trên có nhiều đơn vị tham gia thi công lắp đặt nên đề nghị Tòa án yêu cầu ông P.P.N và Công ty TNHH Đ phải làm rõ khối lượng công việc mà Công ty TNHH Đ đã thi công tại công trình Bệnh viện đa khoa tỉnh S.

Ngoài ra, theo Quyết định số 163 ngày 19/3/2011 và Quyết định số 368 ngày 20/4/2012 của Tổng giám đốc Công ty cổ phần P về việc thành lập Ban chỉ huy công trình thi công xây dựng hạng mục 4,5 trung tâm dịch vụ kỹ thuật và khối truyền nhiễm - Bệnh viện đa khoa tỉnh S cung cấp thì Ban chỉ huy công trình không phải là ông Đ.D.K và ông N.V.Đ, ông K và ông Đ chỉ là cán bộ của công trường. Việc ông K, ông Đ ký vào tất cả các biên bản nghiệm thu khối lượng công việc của Công ty TNHH Đ là không có giá trị pháp lý.

Ngoài ra Công ty cổ phần P không còn yêu cầu gì khác.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 19/02/2020 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Hà Nội đã xử:

Căn cứ:

- Điều 113, Điều 138, Điều 139, Điều 140, Điều 144 Luật xây dựng 2014
- Điều 117; Điều 119, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015
- Điều 306 Luật thương mại 2005
- Điều 30; điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 244, 264, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Điều 24, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Đ với Công ty cổ phần P.

Buộc Công ty cổ phần P phải thanh toán trả cho Công ty TNHH Đ số tiền tạm tính đến ngày 19/2/2020 là 4.903.462.358đ (Bằng chữ: Bốn tỷ chín trăm linh ba triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn ba trăm lăm mươi tám đồng) (trong đó, nợ gốc: 3.593.914.129đồng; nợ lãi chậm thanh toán: 1.309.548.229đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Công ty cổ phần P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 112.903.462đ (Một trăm mười hai triệu chín trăm linh ba nghìn bốn trăm sáu mươi hai đồng).

Công ty TNHH Đ được hoàn lại số tiền 51.900.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0007303 ngày 15/8/2019 tại Cục thi hành án dân sự quận C, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Án xử công khai, có mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, Công ty cổ phần P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất thỏa thuận như sau:

Công ty cổ phần P phải thanh toán trả cho Công ty TNHH Đ số tiền là 3.593.914.129 đồng.

Thời gian thanh toán toàn bộ số tiền trên chậm nhất đến ngày 14/10/2020.

Hình thức thanh toán: chuyển khoản

Công ty TNHH Đ phải xuất đủ hóa đơn theo quy định cho Công ty cổ phần P để làm căn cứ thanh quyết toán.

Về án phí, Công ty cổ phần P tự nguyện chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngoài ra, Công ty TNHH Đ và Công ty cổ phần P không có yêu cầu, đề nghị gì khác, nên Tòa không xét.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận xét và đề nghị:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Các bên tự nguyện thỏa thuận, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tiến hành tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] - Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của Công ty cổ phần P được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa Công ty TNHH Đ với Công ty cổ phần P phát sinh từ hợp đồng kinh tế số 2407/2015/HĐKT ngày 24/7/2015 và phụ lục hợp đồng số 0203/2016/PLHĐ/TC16-ĐT ngày 02/3/2016, được xác định là tranh chấp kinh doanh thương mại.

Bị đơn Công ty cổ phần P có địa chỉ trụ sở tại Tầng X Số Y đường T, phường D, quận C, thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân quận C thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] - Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn đã hòa giải và thống nhất với nhau về cách giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Xét sự tự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật, không trái đạo đức xã hội và theo đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, nên căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm và quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về án phí phúc thẩm: Công ty cổ phần P kháng cáo, nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên.

Căn cứ Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 30; Điều 37; Điều 38; Điều 148; Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Áp dụng Điều 113, Điều 138, Điều 139, Điều 140, Điều 144 Luật xây dựng 2014

Áp dụng Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 19/02/2020 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Hà Nội và Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Công ty cổ phần P phải thanh toán trả cho Công ty TNHH Đ số tiền là **3.593.914.129 đồng.**

Thời gian thanh toán toàn bộ số tiền trên chậm nhất đến ngày 14/10/2020.

Hình thức thanh toán: chuyển khoản

Công ty TNHH Đ phải xuất đủ hóa đơn theo quy định cho Công ty cổ phần P để làm căn cứ thanh quyết toán.

Ngoài ra, Công ty TNHH Đ và Công ty cổ phần P không có yêu cầu, đề nghị gì khác, nên Tòa không xét.

2. Kể từ ngày người được thi hành án nộp đơn yêu cầu xin thi hành án nếu bên phải thi hành án chưa thanh toán thì phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí sơ thẩm:

Công ty cổ phần P phải chịu 103.878.282 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty TNHH Đ được hoàn lại số tiền 51.900.000 đồng tạm ứng án phí (đã nộp) theo Biên lai số 0007303 ngày 15/8/2019 tại Chi Cục thi hành án dân sự quận C, thành phố Hà Nội.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí phúc thẩm:

Công ty cổ phần P phải chịu 2.000.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ vào 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm (đã nộp) theo biên lai số 3436 ngày 08/5/2020 tại Chi Cục thi hành án dân sự quận C, thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tp Hà Nội;
- Chi Cục THADS quận Cầu Giấy, tp Hà Nội;
- TAND quận Cầu Giấy, tp Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thái Sơn